TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2019
Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 712/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm L V, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: K, phường H, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Phan T B, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp XC, xã H, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lâm L V trình bày:

Anh và chị Phan T B kết hôn với nhau vào năm 2008 và có đăng kýt kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện G, tỉnh B. Quá trình chung sống vợ, anh và chị B có với nhau được hai người con chung tên Lâm N Đ, sinh ngày 10/3/2009 và Lâm Phan G H, sinh ngày 11/12/2013. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ngày 06/3/2017 anh có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau yêu cầu được ly hôn với chị B và đã được Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn tại số 110/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2017. Nội dung Quyết định thể hiện:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lâm L V với chị Phan T B.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Lâm N Đ, sinh ngày 10/3/2009 và Lâm Phan G H, sinh ngày 11/12/2013 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh V cấp

dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày quyết định có hiệu lực. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Sau khi nhận được Quyết định nêu trên của Tòa án, anh đã giao hai con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, khoảng thời gian hiện nay, chị B thường xuyên đi xa nhà, không có thời gian chăm sóc nhiều cho hai cháu. Đối với cháu Lâm N Đ có nguyện vọng được sống chung với anh và tình cảm hai anh em N Đ và G H rất thân thiết. Do đó, anh yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cụ thể, anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Lâm N Đ, sinh ngày 10/3/2009 và Lâm Phan G H, sinh ngày 11/12/2013, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn chị Phan T B trình bày: Chị và anh Lâm L V ly hôn theo Quyết định số 110/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C. Nội dung Quyết định đúng như lời anh V trình bày. Sau khi ly hôn chị trực tiếp nuôi hai con chung. Khoảng tháng 5/2019 anh V xin rước hai cháu về bên nội chơi thì chị đồng ý, khoảng thời gian này thì chị đi làm đến khoảng giữa tháng 7/2019 thì chị muốn rước các con về để chuẩn bị nhập học nhưng cháu Lâm N Đ muốn tiếp tục ở với anh V nên chị chỉ rước cháu Lâm Phan G H về. Hiện nay, cháu Đ đang sống cùng với anh V, còn cháu H thì đang sống cùng với chị.

Nay anh V yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu được nuôi cả hai con chung thì chị không đồng ý. Chị đồng ý giao cháu Lâm N Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng vì phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Con cháu Lâm Phan G H thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một người con nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Anh V yêu cầu được nuôi cháu Lâm N Đ, còn cháu Lâm Phan G H thì giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phan T B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, anh Lâm L V thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh V yêu cầu được nuôi cháu Lâm N Đ, còn cháu Lâm Phan G H thì giao cho chị Phan T B trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, hiện nay cháu Lâm N Đ đang sống cùng với anh V, còn cháu Lâm Phan G H thì đang sống cùng với chị B. Chị B đồng ý giao cháu Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Lâm N Đ có nguyện vọng được sống cùng với anh V. Xét thấy, lời trình bày của chị B phù hợp với yêu cầu của anh V và phù hợp với lợi ích của con chung, Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, giao cháu Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuoi con.

[3] Về án phí:Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 82, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm L V.

Giao con chung tên Lâm N Đ, sinh ngày 10/3/2009 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Lâm Phan G H, sinh ngày 11/12/2013 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/7/2019 anh V đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000509 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh C, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang